

Số: *3928* /TTr-UBND

Điện Biên, ngày *02* tháng 12 năm 2022

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể một số nội dung hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Sau khi xin chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 53/2022/TT-BTC Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, theo đó tại các khoản 2, Điều 7, Điều 8, Điều 9, khoản 2 Điều 10, khoản 3 Điều 11, Điều 12, khoản 2 Điều 14¹, điểm a, khoản 2 Điều 20, điểm d, khoản 2 Điều 26, khoản 1, Điều 39 của Thông tư có quy định *"Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ cụ thể hoặc cụ thể mức hỗ trợ một số nội dung chi hỗ trợ đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao"*.

Để có cơ sở triển khai thực hiện nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên thì cần phải ban hành Nghị quyết cụ thể hoá những nội dung trên (nội dung này đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận xây dựng Nghị quyết tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích

Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan và làm cơ sở pháp lý để các đơn vị được bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phải đảm bảo trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành; phù hợp với các quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính, tình hình thực tế của địa phương và khả năng ngân sách trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể một số nội

¹ Riêng nội dung Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn quy định *"Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung và mức hỗ trợ cụ thể"* đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao".

dung hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Dự thảo Nghị quyết đã được tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, đồng thời đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến nhân dân theo quy định. Dự thảo Nghị quyết cũng đã được Sở Tư pháp thẩm định và Sở Tài chính tiếp thu, giải trình hoàn thiện trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 11 (lần 2) năm 2022.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của cơ quan, đơn vị và thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp tục chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp và các đơn vị liên quan tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia tập trung rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết tham mưu cho Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo và được sự nhất trí chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết áp dụng theo mẫu số 16, Phụ lục I, ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, gồm có 04 điều.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

Dự thảo Quy định cụ thể một số nội dung hỗ trợ thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể:

2.1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

2.2. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

a) Hỗ trợ chi mua sắm, sửa chữa thay thế thiết bị hư hỏng Đài Truyền thanh xã

- Chi mua sắm thiết lập mới Đài Truyền thanh xã:

+ Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã tối đa 65 triệu đồng/hệ thống.

+ Cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến các thôn, bản tối đa 40 triệu đồng/cụm loa.

- Chi sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của Đài Truyền thanh xã:

+ Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã tối đa 50 triệu đồng/hệ thống.

+ Cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến các thôn, bản tối đa 30 triệu đồng/cụm loa.

b) Hỗ trợ chi mua sắm, sửa chữa, thay thế phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện theo thực tế phát sinh nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện.

2.3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn tối đa 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, nhưng không quá 50 triệu đồng/01 mô hình.

2.4. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức tối đa 100% chi phí được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2.5. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp tối đa 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn thuộc phạm vi đầu tư của chương trình thông qua đơn vị chủ trì liên kết nhưng không quá 3.000 triệu đồng/01 dự án.

2.6. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

Hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở, tổ chức và không quá 250 triệu đồng/01 cá nhân.

2.7. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

a) Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ các dự án phát triển vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các làng nghề; các dự án xây dựng mô hình làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ; các dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch cho các vùng sinh thái; dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa

học công nghệ vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với du lịch; các dự án bảo tồn, phát triển làng nghề khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Mức hỗ trợ: Tối đa 50% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

2.8. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng của địa phương tối đa 500 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

2.9. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

a) Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Trung tâm Văn hóa tỉnh tối đa 1.000 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tối đa 500 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã tối đa 80 triệu đồng/thiết chế; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn tối đa 50 triệu đồng/thiết chế.

b) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, bản. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tối đa 100 triệu đồng/01 tủ sách; Thư viện, tủ sách xã tối đa 50 triệu đồng/01 tủ sách; Tủ sách thôn, bản tối đa 30 triệu đồng/tủ sách.

c) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn.

Hỗ trợ Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã tối đa 50 triệu đồng/01 năm; Hỗ trợ Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn tối đa 30 triệu đồng/01 năm.

2.10. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp tối đa 20 triệu đồng/01 mô hình.

(Có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Báo cáo giải trình của Sở Tài chính và hồ sơ, tài liệu liên quan kèm theo).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể một số nội dung hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT, TH, KTN *q*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô

Số: /2022/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định cụ thể một số nội dung hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngàytháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về dự thảo Nghị quyết của Hội Đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể một số nội dung hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

f

Nghị quyết này Quy định cụ thể một số nội dung hỗ trợ thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha;

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

2. Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

a) Chi mua sắm, sửa chữa thay thế thiết bị hư hỏng đài truyền thanh xã

Chi mua sắm thiết lập mới đài truyền thanh xã: Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã tối đa 65 triệu đồng/hệ thống; Cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến các thôn, bản tối đa 40 triệu đồng/cụm loa;

Chi sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã: Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã tối đa 50 triệu đồng/hệ thống; cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến các thôn, bản tối đa 30 triệu đồng/cụm loa.

b) Hỗ trợ Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh – truyền hình cấp huyện theo thực tế phát sinh nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện.

3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn tối đa 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, nhưng không quá 50 triệu đồng/01 mô hình.

4. Hỗ trợ Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức tối đa 100% chi phí được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

5. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp tối đa 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình thông qua đơn vị chủ trì liên kết nhưng không quá 3.000 triệu đồng/01 dự án.

6. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại.

Hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở, tổ chức và không quá 250 triệu đồng/01 cá nhân.

7. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

a) Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ các dự án phát triển vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các làng nghề; các dự án xây dựng mô hình làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ; các dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch cho các vùng sinh thái; dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với du lịch; các dự án bảo tồn, phát triển làng nghề khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Mức hỗ trợ: Tối đa 50% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/Dự án.

8. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng của địa phương tối đa 500 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

9. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

a) Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Trung tâm Văn hóa tỉnh tối đa 1.000 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa – Truyền thanh – Truyền hình huyện tối đa 500 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã tối đa 80 triệu đồng/thiết chế; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn tối đa 50 triệu đồng/thiết chế.

b) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, bản. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ: Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Truyền thanh - Truyền hình huyện tối đa 100 triệu đồng/01 tủ sách; Thư viện, tủ sách xã tối đa 50 triệu đồng/01 tủ sách; Tủ sách thôn, bản tối đa 30 triệu đồng/tủ sách.

c) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn.

Hỗ trợ Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã tối đa 50 triệu đồng/01 năm; Hỗ trợ Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn tối đa 30 triệu đồng/01 năm.

10. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp tối đa 20 triệu đồng/01 mô hình.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

a) Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương bổ sung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu khác.

c) Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng thực hiện chương trình và huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Khi các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khoá XV Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày ... tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh; LĐ UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công TT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm tin học - Công báo tỉnh, Báo ĐBP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Phương

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1827/BC-STP

Điện Biên, ngày 17 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

**Thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định cụ thể một số nội dung
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2460/STC-QLNS ngày 11/11/2022 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cụ thể một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên là cần thiết, nhằm xây dựng và hoàn thiện quy định của pháp luật về tổ chức triển khai quy định về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

2. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên được Sở Tài chính xây dựng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh là đúng thẩm quyền, theo quy định tại Điều 8, Điều 9, khoản 2 Điều 10, khoản 3 Điều 11, Điều 12, khoản 2 Điều 14, điểm b, khoản 2 Điều 15, điểm a khoản 2 Điều 20; khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 39 theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

11

3. Về tên gọi; phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Tên gọi của dự thảo Nghị quyết: Tên gọi của dự thảo Nghị quyết phù hợp với nội hàm của dự thảo Nghị quyết và thẩm quyền được giao quy định.

b) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết: Phù hợp với nội hàm của dự thảo Nghị quyết và quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

4. Về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật

4.1. Đối với dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng dựa trên các văn bản thể hiện trong phần căn cứ pháp lý ban hành văn bản là đúng căn cứ. Nội dung dự thảo Nghị quyết về cơ bản bảo đảm đúng quy định của pháp luật, tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Để dự thảo Nghị quyết được hoàn thiện và phù hợp với quy định pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa một số nội dung sau:

a) Điều 2, đề nghị cân nhắc bỏ quy định về “Đối tượng hỗ trợ” để phù hợp với thẩm quyền được giao quy định về “nội dung và mức hỗ trợ” đồng thời phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết hiện nay.

b) Điểm b khoản 1 Điều 2, đề nghị sửa nội dung “Theo thực tế phát sinh và các quy định hiện hành” để văn bản được ngắn gọn, vì Thông tư số 53/2022/TT-BTC đã quy định Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền quy định cụ thể mức hỗ trợ phù hợp với phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền được giao; theo đó, đề nghị sửa nội dung này như sau: “*Mức hỗ trợ: Theo thực tế phát sinh nhưng không quá 500 triệu đồng/cơ sở truyền thanh – truyền hình cấp huyện/năm*”

c) Khoản 2 Điều 2, đề nghị chỉnh sửa như sau để nội dung được đầy đủ, chính xác và phù hợp với quy định tại Điều 9 Thông tư số 53/2022/TT-BTC:

“2. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn:

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Từ ngân sách trung ương, tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, nhưng không quá 50 triệu đồng/01 mô hình.”.

d) Khoản 3 Điều 2, đề nghị chỉnh sửa sau để thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2022/TT-BTC:

“3. Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức:

a) Nội dung hỗ trợ: Tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

b) Mức hỗ trợ: tối đa 100% chi phí được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.”.

đ) Khoản 4 Điều 2, đề sửa như sau để nội dung được đầy đủ, chính xác:

“4. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp:

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; mức hỗ trợ tối đa không quá 3.000 triệu đồng/01 dự án.”.

e) Khoản 6 Điều 2, đề nghị sửa tên khoản này như sau để nội dung được chính xác và thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 53/2022/TT-BTC: *“6. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn”.*

g) Khoản 1 Điều 4, đề nghị sửa như sau để nội dung được đầy đủ: *“1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.”.*

4.2. Đối với dự thảo Tờ trình

Dự thảo Tờ trình được xây dựng bảo đảm theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

5. Sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với quy định

Nội dung dự thảo Nghị quyết hiện được xây dựng phù hợp với quy định Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các quy định pháp luật có nội dung liên quan.

6. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng tuân thủ quy định của pháp luật về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Đề dự thảo được hoàn thiện, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, chỉnh sửa các nội dung sau:

a) Khoản 1 Điều 1 đề nghị bỏ nội dung giải thích viết tắt “(gọi tắt là Thông tư số 53/2022/TT-BTC)” để văn bản được ngắn gọn, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “1. Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó”.

b) Điểm a khoản 1, điểm b khoản 6 Điều 2, đề nghị viết đầy đủ tên văn bản và viết rõ ngày tháng năm ban hành của các văn bản được viện dẫn.

c) Khoản 5 Điều 2, đề nghị bỏ dấu “...” để bảo đảm ngôn ngữ, kỹ thuật xây dựng văn bản được cụ thể, rõ ràng, không gây nhiều cách hiểu khác nhau và áp dụng tùy nghi trong thực tiễn.

d) Khoản 8 Điều 2, thống nhất sử dụng cụm từ “thôn, bản” để bảo đảm nội dung được đầy đủ, chính xác.

7. Kết luận

Đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa các nội dung Sở Tư pháp đã có ý kiến tại Báo cáo thẩm định này. Sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện, dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên đủ điều kiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết Quy định cụ thể một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu và hoàn thiện dự thảo trước trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để bc);
- Sở Tài chính;
- GD, PGD Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKTVB.

GIÁM ĐỐC



Phạm Đình Quế

VĂN BẢN ĐẾN ĐIỆN TỬ
UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
Số 6530 Ngày 25/11/2022
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 328/BC-STC

Điện Biên, ngày 25 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Giải trình về nội dung và mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Thực hiện Quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; Nghị quyết số 84/NQ-TTHĐND ngày 18/10/2022 của Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh.

Sở Tài chính báo cáo một số nội dung, mức hỗ trợ làm cơ sở để UBND tỉnh xem xét, tham mưu cho HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cụ thể một số nội dung hỗ trợ thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến và tiết kiệm nước (Khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết)

a) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha;

- Hỗ trợ tối đa 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

b) Cơ sở đề nghị mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ đề nghị áp dụng bằng mức quy định tại Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

c) Kinh phí dự kiến thực hiện

Dự kiến hỗ trợ hệ thống tưới cho 1.500 ha cả giai đoạn 2021-2025. Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ: 75.000 triệu đồng.

2. Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở (Khoản 2 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết)

2.1. Hỗ trợ Chi mua sắm, sửa chữa thay thế thiết bị hư hỏng đài truyền thanh xã

a) Mức hỗ trợ

- Mua sắm thiết lập mới đài truyền thanh xã: Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã tối đa 65 triệu đồng/hệ thống; Cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến các thôn, bản tối đa 40 triệu đồng/cụm loa;

- Sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã: Hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của Đài Truyền thanh xã tối đa 50 triệu đồng/hệ thống; cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông của Đài Truyền thanh xã đến các thôn, bản tối đa 30 triệu đồng/cụm loa.

b) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

Hiện nay các thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông có rất nhiều chủng loại, hãng sản xuất khác nhau để lựa chọn. Thời gian qua trên địa bàn tỉnh đã triển khai lắp đặt, nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông đến các xã, thôn bản theo quy định theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Theo khảo sát và thực tế triển khai với mức chi phí khoảng 65 triệu đồng sẽ thiết lập được hệ thống truyền thanh xã (đặt tại trung tâm xã) và 40 triệu đồng cho 1 cụm loa tại thôn, bản sẽ đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, nâng cao hiệu quả tuyên truyền tại các thôn, bản.

Do vậy việc đề ra mức chi 65 triệu đồng/hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của đài truyền thanh xã thiết lập mới và 40 triệu đồng/cụm loa thiết lập mới của đài truyền thanh xã đến các thôn, bản; 50 triệu đồng/hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông của đài truyền thanh xã thay thế, sửa chữa, nâng cấp và 40 triệu đồng/cụm loa thay thế, sửa chữa, nâng cấp của đài truyền thanh xã đến các thôn, bản là phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách của địa phương.

c) Kinh phí dự kiến thực hiện

Dự kiến hỗ trợ mua sắm thiết bị mới gồm: 3 Hệ thống truyền thanh và 50 cụm loa; Sửa chữa thay thế thiết bị hư hỏng cho 12 Hệ thống truyền thanh và 174 cụm loa. Tổng kinh phí dự kiến cả giai đoạn 2021-2025 tối đa: 8.015 triệu đồng.

2.2. Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh – truyền hình cấp huyện

a) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ theo thực tế phát sinh nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện.

b) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

Mức hỗ trợ trên được xác định căn cứ vào tình hình thực tế kinh phí trang thiết bị cần thiết đảm bảo để thực hiện theo Kế hoạch số 2564/KH-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh thực hiện nội dung thành phần về thông tin và truyền thông trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2021-2025.

c) Kinh phí dự kiến thực hiện

Dự kiến hỗ trợ cho 10 đài truyền thanh, truyền hình cấp huyện. Kinh phí hỗ trợ dự kiến cả giai đoạn tối đa 5.000 triệu đồng.

3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn (Khoản 3 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết)

a) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, nhưng không quá 50 triệu đồng/01 mô hình.

b) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

Tỷ lệ hỗ trợ trên áp dụng theo Điều 9 Thông tư số 53/2022/TT-BTC. Mức hỗ trợ trên để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Rà soát, xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, lồng ghép trong quy hoạch chung xây dựng xã và triển khai thực hiện các công trình thoát nước, xử lý nước thải sinh hoạt theo phương án đã được xây dựng;
- Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến về xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp điều kiện vùng miền;
- Xây dựng thí điểm mô hình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng công nghệ sinh thái, chi phí thấp, thiết kế đơn giản, dễ xây dựng, sử dụng, vận hành;
- Xây dựng và nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô hộ gia đình và cấp thôn phù hợp với đặc thù của từng địa phương.
- Tuyên truyền vận động người dân cải tạo hệ thống thoát nước và áp dụng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện thực tế, hạn chế nước thải chưa được xử lý phát sinh ra môi trường.

Với những nội dung trên thì việc quy định hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/mô hình là hoàn toàn phù hợp với thực tế địa phương và nguồn kinh phí.

c) Kinh phí dự kiến thực hiện

Dự kiến giai đoạn 2023-2025 mỗi năm hỗ trợ 10 mô hình với tổng mức hỗ trợ tối đa 1.500 triệu đồng.

4. Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức (Khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị quyết)

a) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 100% chi phí được phê duyệt trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

Tỷ lệ hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

c) Kinh phí dự kiến thực hiện

Theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền duyệt.

5. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp (Khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị quyết).

a) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình thông qua đơn vị chủ trì liên kết nhưng không quá 3.000 triệu đồng/01 dự án.

b) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

- Tỷ lệ hỗ trợ trên căn cứ theo Khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/4/2022 Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Mức hỗ trợ tối đa áp dụng bằng mức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ (quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

c) Kinh phí dự kiến thực hiện

Dự kiến giai đoạn 2021- 2025 thực hiện 30 dự án, kinh phí hỗ trợ tối đa: 90.000 triệu đồng.

6. Hỗ trợ cơ giới hoá, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại (Khoản 6 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết).

a) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ tối đa 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/01 cơ sở, tổ chức và không quá 250 triệu đồng/01 cá nhân.

b) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

Căn cứ nội dung hỗ trợ các dự án đầu tư cơ giới hoá đồng bộ gắn với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm; dự án cơ giới hoá, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại cần vốn đầu tư lớn để thực hiện dự kiến mức hỗ trợ trên để đảm bảo hỗ trợ tối đa nguồn lực để thực hiện dự án.

c) Kinh phí dự kiến thực hiện

Dự kiến giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ 9 cơ sở, tổ chức và 6 cá nhân. Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ tối đa: 6.000 triệu đồng.

7. Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn (Khoản 7 Điều 2 dự thảo Nghị quyết).

a) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ dự án phát triển vùng nguyên liệu tập trung cung cấp cho các làng nghề (vùng nguyên liệu họ tre, song, mây, lanh, dược liệu...)

- Hỗ trợ dự án xây dựng mô hình làng nghề tiêu biểu gắn với vùng nguyên liệu có chứng chỉ.

- Hỗ trợ dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với du lịch cho các vùng sinh thái.

- Hỗ trợ dự án xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề;

- Hỗ trợ dự án xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với du lịch.

- Hỗ trợ các dự án bảo tồn, phát triển làng nghề khác phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Mức hỗ trợ:

Tối đa 50% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án

c) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

Áp dụng tương ứng với mức hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

d) Kinh phí dự kiến thực hiện

Dự kiến thực hiện giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ cho 6 nhiệm vụ, dự án. Kinh phí tối đa 3.000 triệu đồng.

8. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng của địa phương (Khoản 8 Điều 2 dự thảo Nghị quyết).

a) Mức hỗ trợ: Tối đa 500 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

b) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

Để đảm bảo nguồn kinh phí hỗ trợ các điểm du lịch, sản phẩm du lịch thực hiện các nội dung chi theo quy định tại Quyết định số 922/QĐ-TTg và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT như: xây dựng phát triển hạ tầng dịch vụ, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường du lịch nông thôn; Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở lưu trú và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường; Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống với mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch là phù hợp với điều kiện tình hình thực tế địa phương và nguồn kinh phí được Trung ương bổ sung.

c) Kinh phí dự kiến thực hiện

Dự kiến giai đoạn 2021-2025, hỗ trợ 03 điểm du lịch (hoặc sản phẩm du lịch). Kinh phí hỗ trợ tối đa: 1.500 triệu đồng

9. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Khoản 9 Điều 2 dự thảo Nghị quyết)

9.1. Mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp.

a) Mức hỗ trợ

Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ:

- Trung tâm Văn hóa tỉnh tối đa 1.000 triệu đồng/thiết chế;
- Trung tâm Văn hóa – Truyền thanh – Truyền hình huyện tối đa 500 triệu đồng/thiết chế;

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã tối đa 80 triệu đồng/thiết chế;

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản tối đa 50 triệu đồng/thiết chế.

b) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

c) Kinh phí dự kiến thực hiện:

Dự kiến hỗ trợ cho: 01 Trung tâm Văn hóa tỉnh; 10 Trung tâm Văn hóa – Truyền thanh – Truyền hình huyện; 23 Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã; 334 Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản với kinh phí hỗ trợ tối đa: 24.540 triệu đồng.

9.2. Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, bản.

a) Mức hỗ trợ

Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hỗ trợ:

- Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa – Truyền thanh – Truyền hình huyện tối đa 100 triệu đồng/01 tủ sách;

- Thư viện, tủ sách xã tối đa 50 triệu đồng/01 tủ sách;

- Tủ sách thôn tối đa 30 triệu đồng/tủ sách.

b) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

c) Kinh phí dự kiến thực hiện:

Dự kiến hỗ trợ cho 10 Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa – Truyền thanh – Truyền hình huyện; 23 Thư viện, tủ sách xã; 334 Tủ sách thôn, bản. Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ tối đa: 12.170 triệu đồng.

9.3. Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn.

a) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã tối đa 50 triệu đồng/01 năm;

- Hỗ trợ Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn tối đa 30 triệu đồng/01 năm.

b) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

c) Kinh phí dự kiến thực hiện:

Dự kiến hỗ trợ 23 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; 334 Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản. Tổng kinh phí dự kiến tối đa: 33.510 triệu đồng.

10. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp (Khoản 10 Điều 2 dự thảo Nghị quyết).

a) Mức hỗ trợ:

Tối đa 20 triệu đồng/01 mô hình.

b) Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ

Tại Khoản 4 Điều 42 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính có nêu rõ Mức hỗ trợ cụ thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Thông tư này và tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình.

UBND tỉnh đề xuất Mức hỗ trợ: tối đa 20 triệu đồng/01 mô hình là phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách của địa phương.

c) Kinh phí dự kiến thực hiện:

Dự kiến thực hiện 40 mô hình. Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa: 800 triệu đồng.

(Có biểu dự kiến kinh phí thực hiện các nội dung kèm theo)

Trên đây là Báo cáo giải trình một số nội dung hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh
- Lưu: VT, QLNS

GIÁM ĐỐC



Đinh Bảo Dũng



KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số: **328**/BC-STC ngày **25** tháng 11 năm 2022 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	264.035				
I	Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	75.000				
	- Hỗ trợ chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn (40 triệu đồng/ha)	60.000				Dự kiến hỗ trợ hệ thống tưới 1.500 ha
	- Hỗ trợ chi phí để san phẳng đồng ruộng (10 triệu đồng/ha)	15.000				
II	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	13.015	5.775	3.970	3.270	
1	Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đài truyền thanh xã	8.015	3.775	1.970	2.270	
	- Mua sắm thiết lập mới (65 triệu đồng/hệ thống; 40 triệu đồng/cụm loa)	2.195	2.195			Gồm: 3 Hệ thống và 50 Cụm loa
	- Sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng (50 triệu đồng/hệ thống; 30 triệu đồng/cụm loa)	5.820	1.580	1.970	2.270	Năm 2023: 4 Hệ thống và 46 Cụm loa Năm 2024: 4 Hệ thống và 59 Cụm loa Năm 2025: 4 Hệ thống và 69 Cụm loa
2	Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện (500 triệu đồng/01 cơ sở)	5.000	2.000	2.000	1.000	
III	Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn (70% kinh phí được phê duyệt; 50 triệu đồng/01 mô hình)	1.500	500	500	500	Dự kiến mỗi năm thực hiện 10 mô hình
IV	Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp	90.000	30.000	30.000	30.000	Dự kiến mỗi năm thực hiện 10 dự án
V	Hỗ trợ cơ giới hoá, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp	6.000	2.000	2.000	2.000	Dự kiến mỗi năm hỗ trợ 3 cơ sở, tổ chức và 2 cá nhân
VI	Chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn	6.000	2.000	2.000	2.000	Dự kiến thực hiện các dự án theo QĐ 801/QĐ-TTg cho một làng nghề mỗi năm



	Nội dung	Tổng cộng	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
	Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng của địa phương	1.500	500	500	500	Dự kiến mỗi năm hỗ trợ phát triển 1 điểm du lịch
	Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở	70.220				
1	Mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương	24.540				Gồm: Trung tâm Văn hoá tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm văn hoá - truyền thanh - truyền hình huyện: 500 triệu đồng/thiết chế; Trung tâm văn hoá - thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế; Nhà văn hoá - khu thể thao thôn: 50 triệu đồng/thiết chế.
2	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, bản	12.170				Gồm: Trung tâm văn hoá - truyền thanh - truyền hình huyện: 100 triệu đồng/01 tủ sách; Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách; Tủ sách thôn: 30 triệu đồng/01 tủ sách.
3	Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn	33.510	11.170	11.170	11.170	Gồm: Trung tâm văn hoá - thể thao xã: 50 triệu đồng/01 năm; Nhà văn hoá - khu thể thao thôn: 30 triệu đồng/01 năm.
IX	Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp (20 triệu đồng/01 mô hình)	800	300	300	200	Dự kiến giai đoạn 2023-2025 40 mô hình

17